

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2020
V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
2. Ông Từ Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn N, sinh năm 1975; tạm trú: Số 70C đường Đoàn Thị K, khu phố Đ, phường H, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978; Thường trú: Số 275/15 đường K, khu phố N1, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trương Văn N trình bày:

Anh Trương Văn N và chị Bùi Thị L đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B. Theo quyết định, chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 05/5/2010, anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng/tháng.

Sau thời gian chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, anh N cho rằng chị L nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu không tốt, tác động những điều không hay làm ảnh hưởng đến sự phát triển và nhận thức của cháu. Mặt khác, cháu Quỳnh A có nguyện vọng được sống với bố.

Về điều kiện nuôi con: Hiện tại anh N có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 14.000.000đồng, thời gian làm việc theo giờ hành chính. Sau giờ làm việc, anh N còn buôn bán để tăng thu nhập nên anh N có đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, anh N đã có gia đình mới, vợ của anh N sẽ phụ giúp việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Quỳnh A nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quỳnh A sẽ đảm bảo hơn. Do đó, anh N yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 05/5/2010. Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng lao động, Bảng lương tháng 6/2020, Quyết định thuận tình ly hôn số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Bùi Thị L trình bày: Theo quyết định thuận tình ly hôn số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B thì anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng nhưng từ khi quyết định có hiệu lực đến nay, anh N không thực hiện việc cấp dưỡng. Từ trước đến nay, chị L vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy con tốt, chị L có công việc và thu nhập ổn định, thời gian làm việc từ 7 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. Mặt khác, cháu Quỳnh A là con gái, đang trong độ tuổi phát triển nên cần có mẹ chăm sóc, ngoài ra cháu còn có chị gái là Trương Thị Thùy L đang học đại học nên có thể phụ giúp chị L trong việc chăm sóc và dạy dỗ cháu Quỳnh A. Do đó, chị L không đồng ý yêu cầu thay đổi người nuôi con của anh N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

[1.1] Căn cứ Quyết định thuận tình ly hôn số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B thì chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 05/5/2010. Anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.500.000đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh N xác định từ khi ly hôn đến nay anh N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[1.2] Xét thấy, từ khi anh N và chị L ly hôn (ngày 02/01/2019), mặc dù anh N không cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L vẫn chăm sóc và nuôi dạy con tốt. Anh N cho rằng chị L dạy dỗ cháu Quỳnh A không tốt, tác động những điều không hay làm ảnh hưởng đến sự phát triển và nhận thức của cháu nhưng anh N không có chứng cứ chứng minh.

[1.3] Về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh N thấy rằng: Hện tại anh N có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định nhưng anh N đã có gia đình mới và có con riêng, anh N phải nhờ vợ phụ giúp việc đưa đón và chăm sóc cháu Quỳnh A vì ngoài thời gian làm việc ở Công ty, anh N còn buôn bán thêm bên ngoài để tăng thu nhập. Việc buôn bán đến 22, 23 giờ mới về. Dó đó, việc giao cháu Quỳnh A cho anh Nam trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo. Xét, cháu Quỳnh A là con gái, đang trong độ tuổi phát triển, cần sự chăm sóc và dạy dỗ của mẹ. Mặt khác, từ trước đến nay chị L vẫn nuôi dạy cháu tốt, cháu Quỳnh A còn có chị gái Mỹ L là chị gái của cháu Quỳnh A có khả năng phụ giúp chăm sóc và dạy dỗ bé Quỳnh A. Tuy cháu Quỳnh A có nguyện vọng được sống chung với anh N nhưng xét thấy việc giao cháu cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ sẽ tốt hơn anh N. Vì vậy, yêu cầu thay đổi người nuôi con của anh N là không có cơ sở chấp nhận.

[1.4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B.

[2] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn N đối với bị đơn chị Bùi Thị L về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0040131 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D, tỉnh B.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố. D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

